

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 9- 2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tiêu Thị Vân
2. Bà Hoàng Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bế Cao C, sinh năm 1958;

Trú tại: Số 116A, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1966;

Trú tại: Số 116A, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2018, trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bế Cao C trình bày:

Năm 2015 anh Bế Cao C kết hôn với chị Hoàng Thị L trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2017 giữa anh Bế Cao C và chị Hoàng Thị L phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, cách đối xử trong gia đình và xã hội; chị Hoàng Thị L hay ghen tuông vô cớ, vì vậy tình cảm vợ chồng rạn nứt trầm trọng. Anh Bé Cao C và chị Hoàng Thị L đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Anh Bé Cao C xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với chị Hoàng Thị L. Vì vậy, anh Bé Cao C yêu cầu được ly hôn chị Hoàng Thị L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Bé Cao C và chị Hoàng Thị L không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Hoàng Thị L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản khai và tại phiên hòa giải thể hiện:

- Về tình cảm vợ chồng ban đầu như anh Bé Cao C trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh thời gian gần đây do anh Bé Cao C có quan hệ với không lành mạnh với người phụ nữ khác. Chị Hoàng Thị L khuyên nhủ thì anh Bé Cao C lại chửi bới và đánh chị. Ngoài ra anh Bé Cao C còn nghe lời xúi bẩy, kích động của hai chị gái nên mới có ý định làm đơn ly hôn. Chị Hoàng Thị L xác định không hề có lỗi với anh Bé Cao C và vẫn còn tình cảm, mong anh Bé Cao C nghĩ lại quay về đoàn tụ với chị. Vì vậy, anh Bé Cao C yêu cầu ly hôn, chị Hoàng Thị L không đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Hoàng Thị L và anh Bé Cao C không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có một số tài sản chung và nợ chung, nhưng không cung cấp được số liệu cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Hội đồng xét xử đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký tại phiên tòa.

- Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự trong quá trình tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án. Bị đơn chỉ có mặt để viết bản khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất. Những lần Tòa án triệu tập sau đó để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa, yêu cầu cung cấp chứng cứ, bị đơn đều không đến, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Bé Cao C và chị Hoàng Thị L kéo dài nhiều năm, hiện nay đã trở lên trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của anh Bé Cao C ly hôn chị Hoàng Thị L.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Bé Cao C xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; chị Hoàng Thị L cho rằng vợ chồng có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, Tòa án đã thông báo cho chị Hoàng Thị L yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nhưng trong thời hạn quy định của pháp luật và đến phiên tòa sơ thẩm, chị Hoàng Thị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh vợ chồng có tài sản chung và nợ chung, do vậy không có căn cứ để xác định vợ chồng có tài sản chung, nợ chung như chị Hoàng Thị L đưa ra.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Bé Cao C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 116A, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 9 năm 2015 đến nay chị Hoàng Thị L kết hôn với anh Bé Cao C, đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên và chưa rút đăng ký tạm trú. Căn cứ Điều 28, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hai bên đương sự để viết bản khai, yêu cầu cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa; đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Phía bị đơn chị Hoàng Thị L đã viết bản khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất. Tuy nhiên, những lần Tòa án tổ chức hòa giải và triệu tập sau đó, chị Hoàng Thị L đều không chấp hành, cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập. Phiên tòa lần thứ nhất chị Hoàng Thị L vắng mặt; phiên tòa được triệu tập họp lại lần thứ hai nhưng chị Hoàng Thị L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị L.

[2] Hôn nhân giữa anh Bé Cao C và chị Hoàng Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Lạng Sơn, như vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn

về kinh tế; chị Hoàng Thị L hay ghen tuông vô cớ khiến tình cảm vợ chồng thường xuyên căng thẳng. Mặc dù anh Bé Cao C đã cố gắng thu xếp để cuộc sống vợ chồng được hòa hợp; gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến đại diện chính quyền, hàng xóm nơi anh Bé Cao C và chị Hoàng Thị L cư trú thể hiện: Trong thời gian sinh sống tại địa phương vợ chồng anh Bé Cao C và chị Hoàng Thị L có xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau, chính quyền cũng có nhắc nhở, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có gì tiến triển.

[4] Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Bé Cao C và chị Hoàng Thị L phát sinh đã nhiều năm. Trong thời gian giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị L yêu cầu được đoàn tụ. Tuy nhiên, kể từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị Hoàng Thị L cũng chưa làm gì để vun đắp, cải thiện cho mối quan hệ vợ chồng, cho hạnh phúc gia đình, do đó quan hệ giữa chị Hoàng Thị L và anh Bé Cao C ngày thêm rạn nứt, bế tắc, không thể hàn gắn. Anh Bé Cao C và chị Hoàng Thị L đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Bé Cao C và chị Hoàng Thị L không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở lên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xử cho anh Bé Cao C ly hôn chị Hoàng Thị L là phù hợp với điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Bé Cao C và chị Hoàng Thị L đều xác định vợ chồng không có con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Bé Cao C xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị L cho rằng vợ chồng có tài sản chung và có cho người khác vay nợ, tuy nhiên Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu chị Hoàng Thị L cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc vợ chồng có tài sản chung và có cho người khác nợ; nhưng trong thời hạn quy định của pháp luật và đến thời điểm xét xử sơ thẩm, chị Hoàng Thị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, không có căn cứ để xác định chị Hoàng Thị L và anh Bé Cao C có tài sản chung, nợ chung như chị Hoàng Thị L đưa ra.

[7] Về án phí: Anh Bé Cao C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình. Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bé Cao C ly hôn chị Hoàng Thị L.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.
3. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Bé Cao C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền anh Bé Cao C đã nộp 300.000 đồng tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2012/02712 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Sinh

